TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUỶ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 8 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con,chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUỶ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Huy
2. Ông Nguyễn Quang Nhã

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Quảng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên toà: Ông Lê Ngọc Diện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8/2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLS-HNGĐ ngày 23/5/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị G, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.
Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 22/4/2022, nguyên đơn chị Phạm Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T chung sống với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/4/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Th, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu

thuẩn, nguyên nhân do không hợp tính tình nên thường xuyên cải vã. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Hoàng N, sinh ngày 25/10/2019, hiện nay đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị G xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm 01 thửa đất số 17., tờ bản đồ số 6.; địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; diện tích 254,6m^2; mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 160m^2, đất trồng cây hàng năm khác: 94,6m^2; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Trần Văn T và Phạm Thị G; trị giá thửa đất: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Về nhà ở: Vợ chồng có ngôi nhà cấp 4 chưa hoàn thiện, xây trên thửa đất nói trên, trị giá 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Về nợ chung: Không có. Nguyện vọng của chị G yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2022, chị G trình bày nguyện vọng về tài sản: Tự giải quyết tài sản chung hoặc để lại cho con. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 27/6/2022, chị Phạm Thị G trình bày: Về tài sản chung, tôi xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết ban đầu với mong muốn vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 19/7/2022 và tại phiên tòa, chị Phạm Thị G trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Tôi xin được ly hôn anh Trần Văn T. Về quan hệ con cái: Tôi xin được trực tiếp nuôi con Trần Hoàng N, sinh ngày 25/10/2019. Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì tôi có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung để vợ chồng thỏa thuận tự phân chia hoặc để lại cho con. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Trần Văn T: Tại đơn trình bày ngày 30/5/2022 do anh T nộp trực tiếp tại Tòa án, anh Tuấn trình bày: Tôi nhận được giấy triệu tập của Tòa án về vụ việc vợ Phạm Thị G đòi tranh chấp chia đôi tài sản. Nay tôi viết giấy này để xin tòa hoãn lại cho tôi vì tôi bị chấn thương nặng do tai nạn giao thông. Tôi chưa bình phục, sức khỏe còn rất yếu. Đầu óc chưa lành, chưa suy nghĩ được gì thông thạo, trí nhớ còn rất kém nên xin Tòa cho tôi hoãn lại một thời gian đến khi tôi bình phục. Nộp kèm theo đơn trình bày là bản phô tô giấy chứng nhận phẩu thuật, Nha bạ, Giấy ra viện, Phiếu thanh toán ra viện, Phiếu khám bệnh, Giấy hẹn khám lại, Bệnh án, Phiếu trả kết quả xét nghiệm, kết quả chụp CT-CONE-BEAM, Kết quả cắt lớp vi tính MSTC, Phiếu phẩu thuật, thủ thuật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2022 và tại phiên tòa, anh Trần Văn T trình bày: Tình cảm vợ chồng cũng có nhiều rạn nứt, bản thân tôi cũng muốn níu kéo để vợ chồng quay về với nhau. Nhưng nếu cô G kiên quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn với cô G. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày

25/10/2019 hiện nay đang ở với cô G. Tôi chấp nhận giao con Trần Hoàng N cho cô G nuôi dưỡng nhưng tôi không cấp dưỡng nuôi con và tôi phải được qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản tôi nhất trí như ý kiến của cô G không chia tài sản chung mà để lại cho con cái. Về nợ chung, vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147; các Điều 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị G với anh Trần Văn T. Giao con chung Trần Hoàng N, sinh ngày 25/10/2019 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G do chị G không yêu cầu vì chị G có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Đình chỉ yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của nguyên đơn chị Phạm Thị G. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Do đó vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thiếu kinh nghiệm trong đời sống chung của vợ chồng nên thường xuyên cải vã lẫn nhau; vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Theo đơn

trình bày anh T gửi cho Tòa án thì anh T đề nghị Tòa án tạm hoãn giải quyết vụ án một thời gian nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2022 và tại phiên tòa, anh T trình bày: Nếu chị G kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Tòa án đã tổ chức hai phiên hòa giải để các đương sự gặp gỡ, trao đổi, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Văn T đều vắng mặt; do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị G và anh Trần Văn T đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng chị G và anh T không thể tiếp tục, tại phiên tòa, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị G, vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị G với anh Trần Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con cái: Xét con chung của chị Phạm Thị G và anh Trần Văn T đang còn nhỏ, chưa tròn ba tuổi; chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung; anh T cũng có nguyện vọng giao con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử giao con chung Trần Hoàng N, sinh ngày 25/10/2019 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G do chị G không yêu cầu vì chị G có đủ khả năng và điều kiện nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Phạm Thị G rút yêu cầu giải quyết về tài sản, bị đơn anh Trần Văn T đồng ý với yêu cầu rút yêu cầu giải quyết tài sản của chị G. Xét việc thay đổi về việc rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung của nguyên đơn chị Phạm Thị G không vượt qúa phạm vi khởi kiện ban đầu và việc rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung của chị G là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị G, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết tài sản chung trong vụ án là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G, anh T thỏa thuận giao cho chị G chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung cho nguyên đơn chị Phạm Thị G.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị G với anh Trần Văn T.

2/ Về quan hệ con cái: Giao con chung Trần Hoàng N, sinh ngày 25/10/2019 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G, do chị G không yêu cầu vì chị G có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản: Đình chỉ yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của nguyên đơn chị Phạm Thị G.

4/ Về án phí: Chị Phạm Thị G chịu nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.425.000 đồng chị G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thuỷ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 31AA/2021/0004425 ngày 18 tháng 5 năm 2022. Chị Phạm Thị G được hoàn trả số tiền 3.275.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/8/2022) để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã Hồng Thuỷ (Số Giấy CNKH 24, ngày 16/4/2019);
- Lưu hồ sơ, VP.